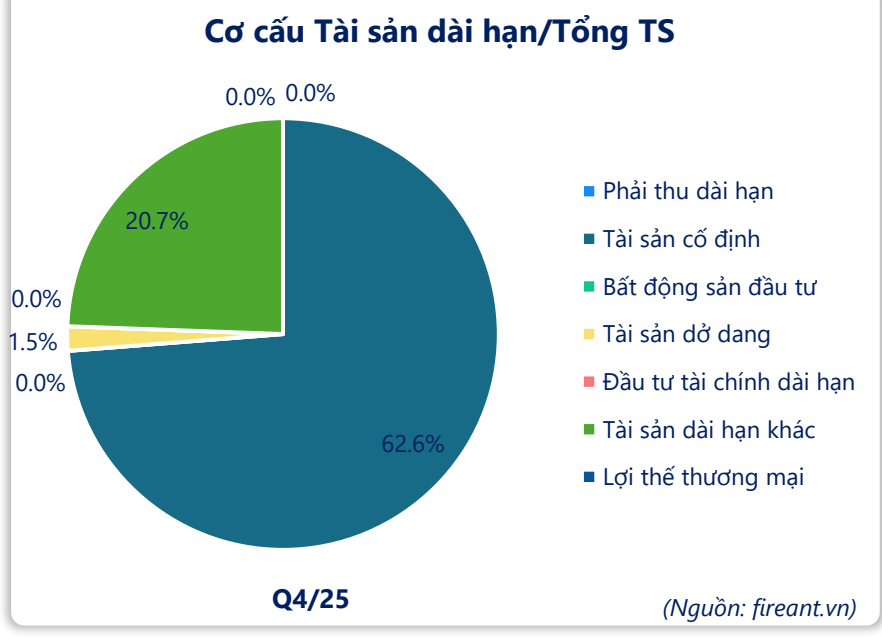
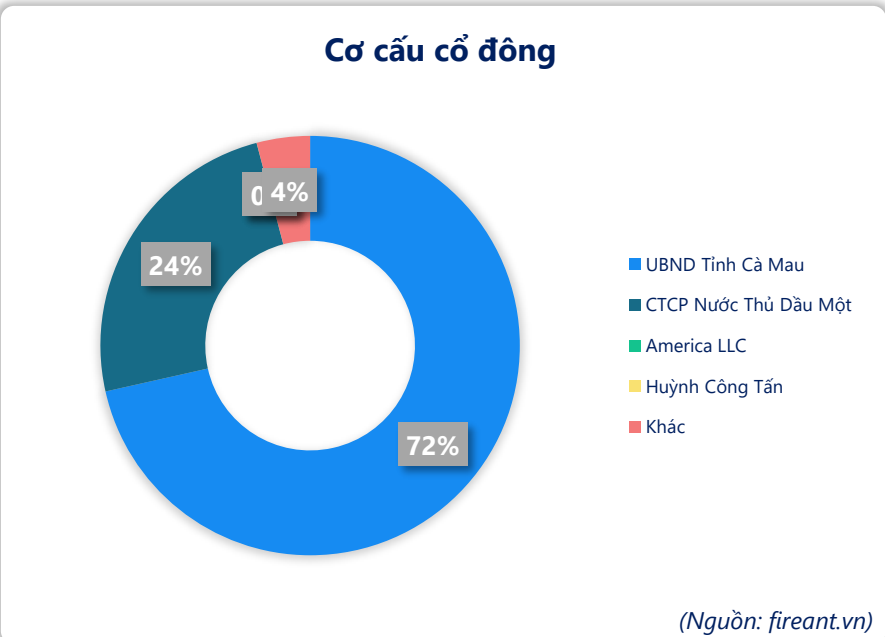
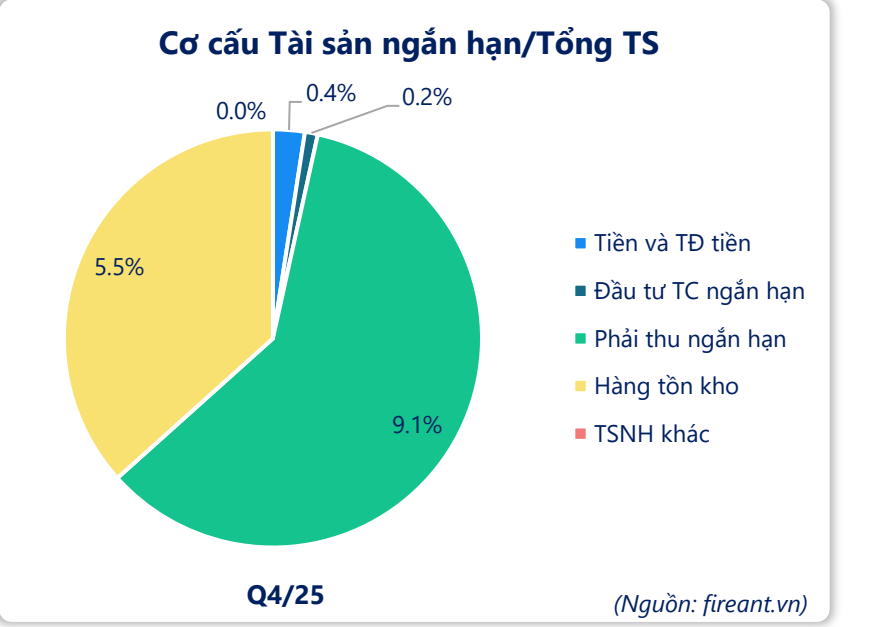
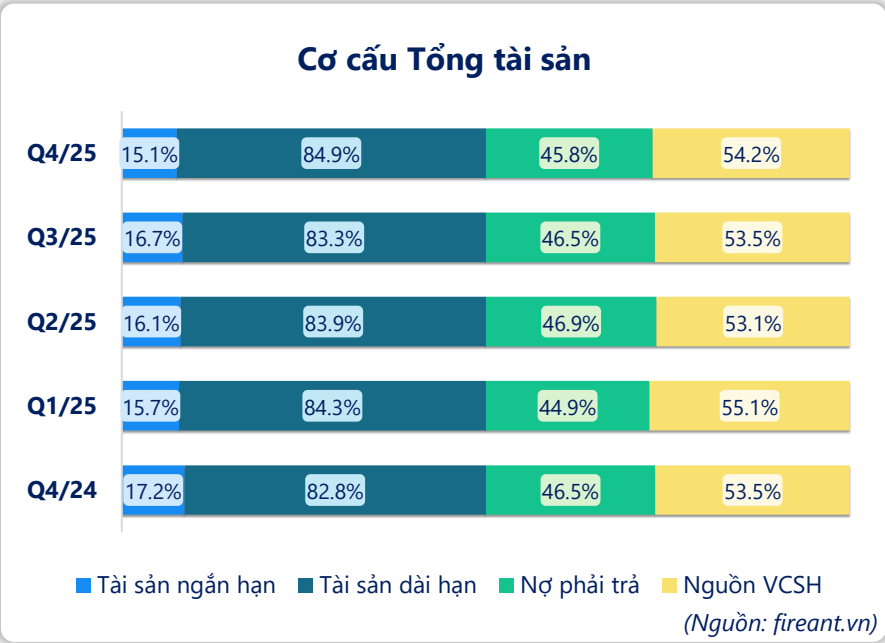
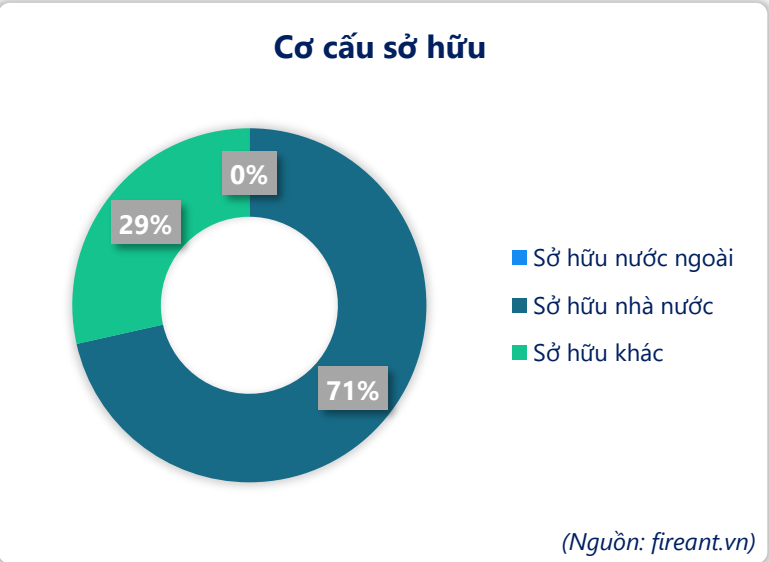
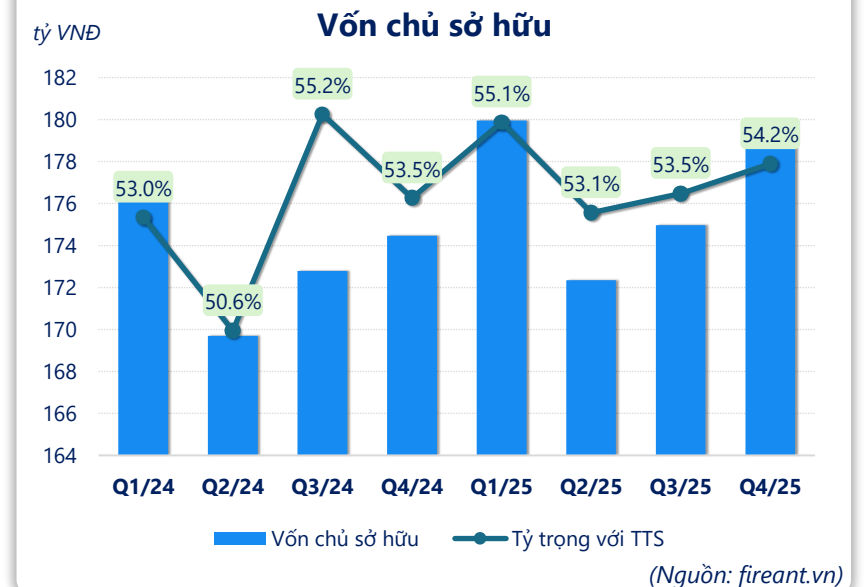
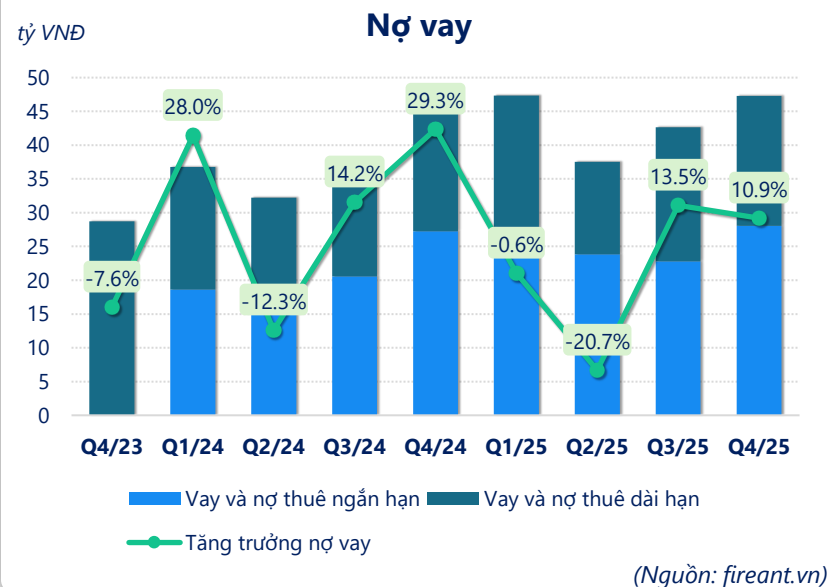
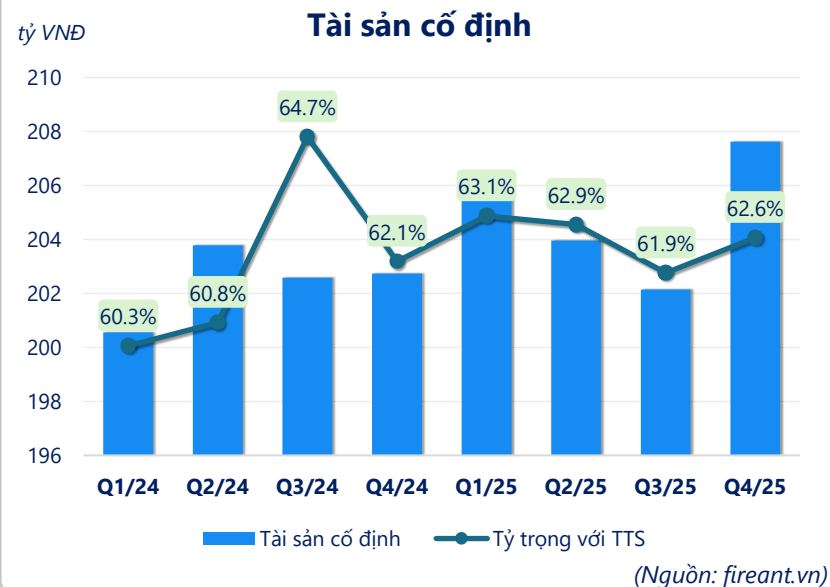
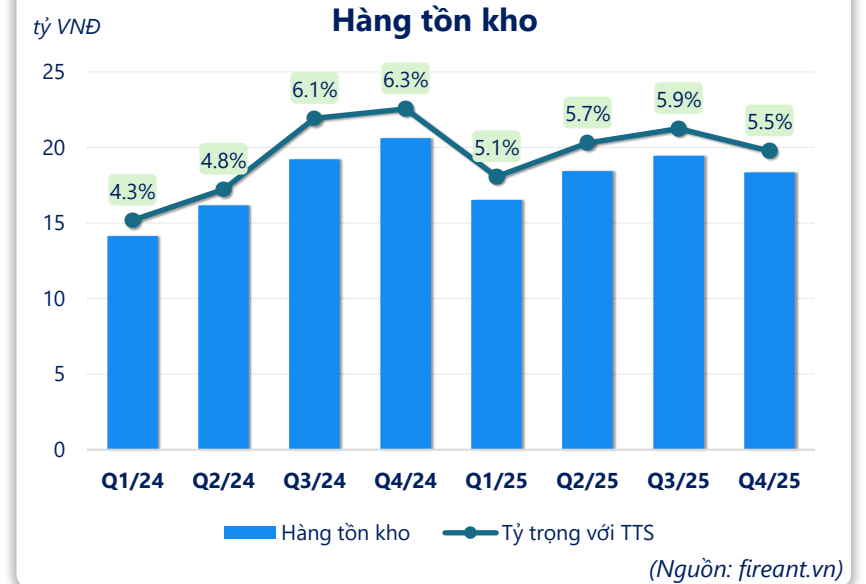
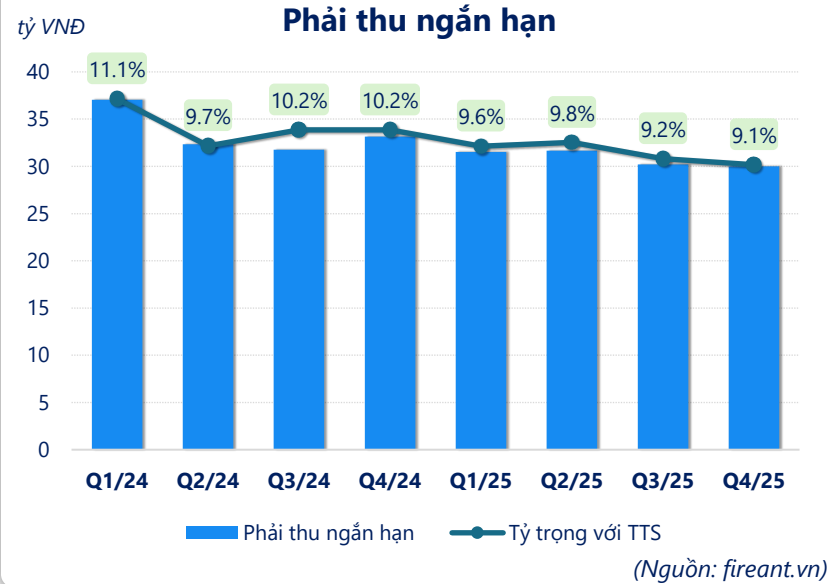
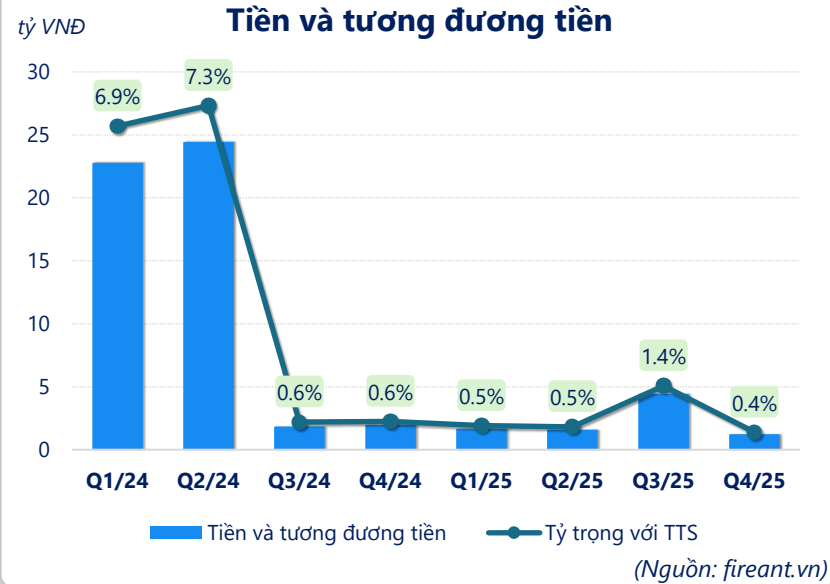
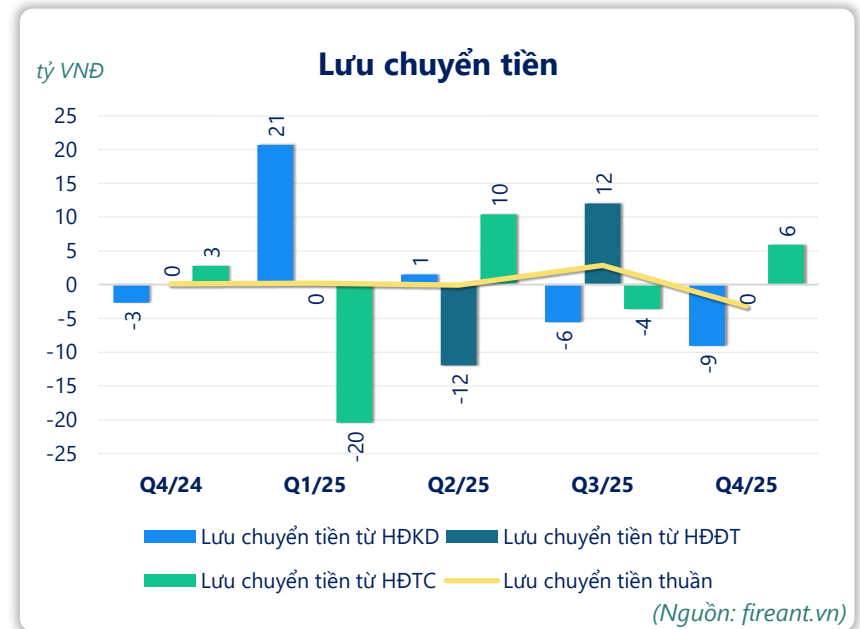
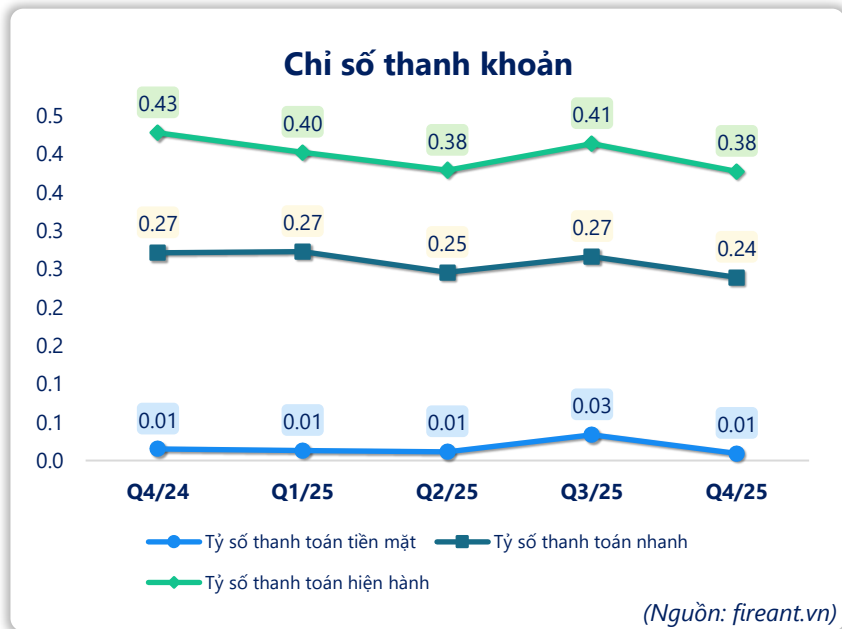
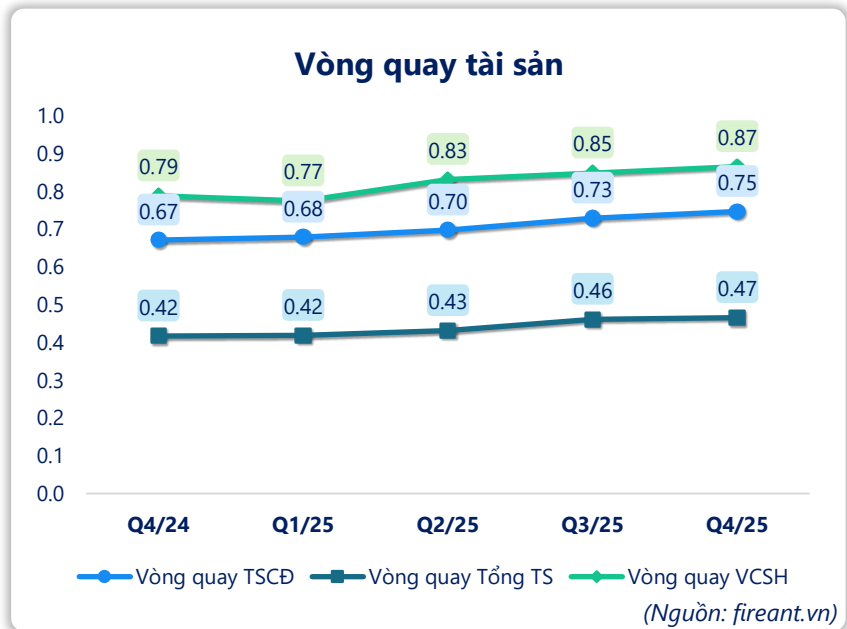
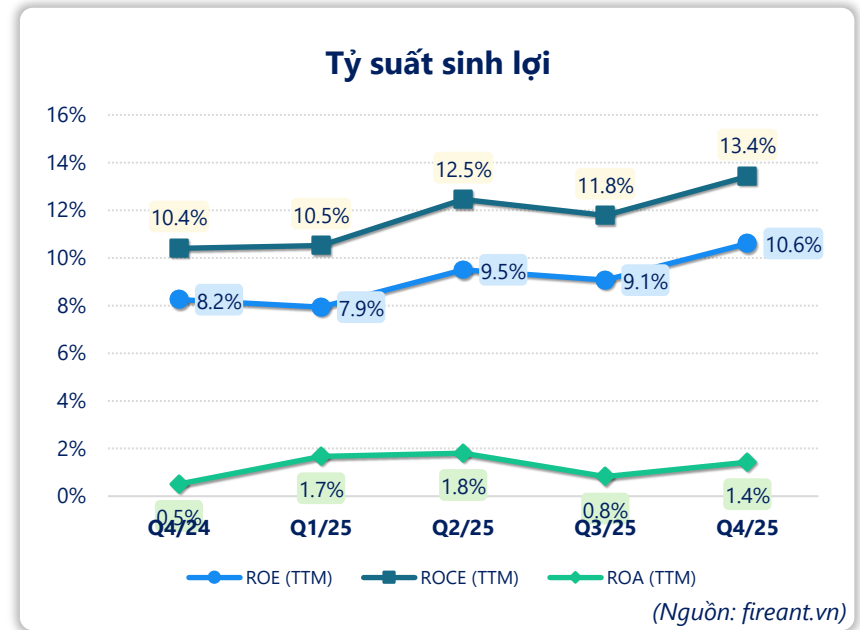
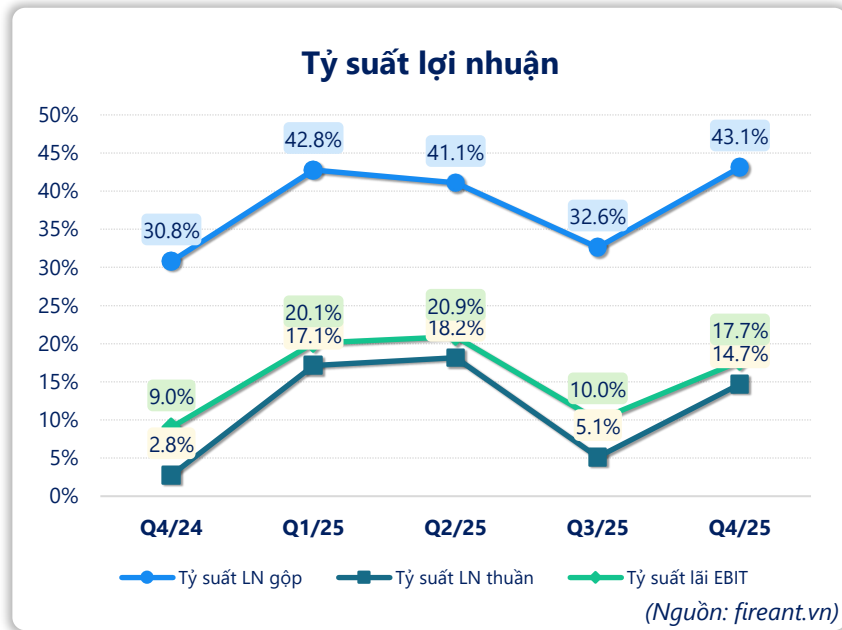
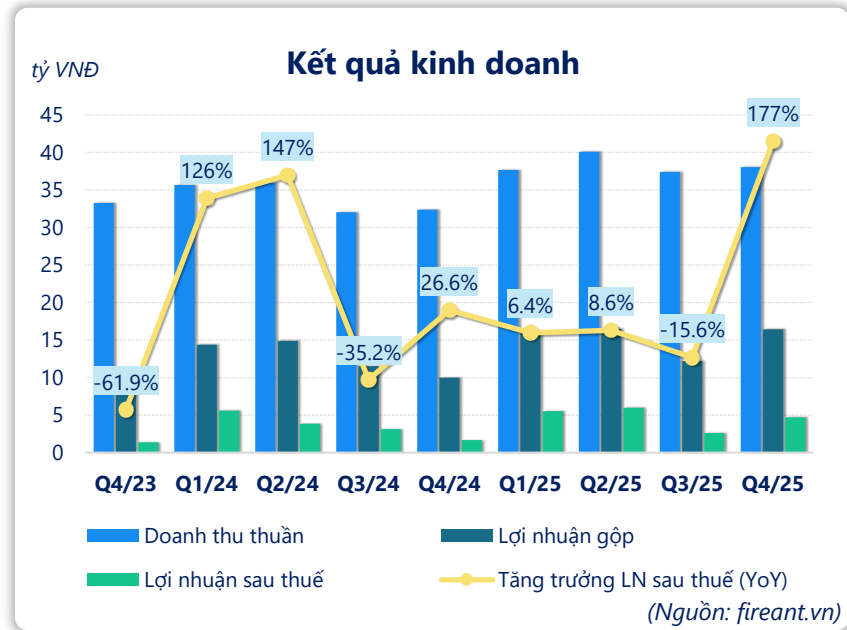


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		18,732
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,564
SL cổ phiếu LH		15,534,900
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		235
P/E		12.5
EPS		1,208

	YTD	1T	3T	6T
CMW	25.4%	0.0%	12.9%	22.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	332	326	1.6%
Tài sản ngắn hạn	50.1	56.3	-11.0%
Tiền và tương đương tiền	1.23	1.46	-15.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.50	0.50	0.0%
Phải thu ngắn hạn	30.0	33.1	-9.4%
Hàng tồn kho	18.4	20.6	-11.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.57	-100%
Tài sản dài hạn	282	270	4.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	208	203	2.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.13	8.11	-36.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	68.8	59.3	16.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	152	152	0.0%
Nợ ngắn hạn	133	133	-0.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	28.1	28.8	-2.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.93	15.5	-74.6%
Nợ dài hạn	19.2	18.8	2.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	19.2	18.8	2.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	180	174	3.0%
Vốn chủ sở hữu	180	174	3.0%
Vốn điều lệ	155	155	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	32.4	37.7	40.1	37.4	38.0
Giá vốn hàng bán	22.4	21.6	23.6	25.2	21.6
Lợi nhuận gộp	9.97	16.1	16.5	12.2	16.4
Doanh thu HĐTC	0.02	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.83	0.56	0.82	0.45	0.87
Chi phí lãi vay	0.83	0.56	0.82	0.45	0.87
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.37	1.41	1.36	1.55	1.40
Chi phí QLDN	6.90	7.71	7.01	8.28	8.55
LN thuần từ HĐKD	0.90	6.45	7.28	1.93	5.59
Lợi nhuận khác	1.20	0.56	0.29	1.35	0.27
LN trước thuế	2.10	7.01	7.56	3.28	5.86
Lợi nhuận sau thuế	1.67	5.51	5.96	2.62	4.68
LNST của CĐ cty mẹ	1.67	5.51	5.96	2.62	4.68

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.66	20.7	1.48	-5.55	-9.06
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-0.06	-11.9	12.0	-0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.79	-20.4	10.4	-3.61	5.89
Tiền đầu kỳ	1.84	1.46	1.66	1.58	4.42
Lưu chuyển tiền thuần	0.12	0.20	-0.08	2.84	-3.19
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.96	1.66	1.58	4.42	1.23

(Nguồn: fireant.vn)